

THÔNG TƯ

Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ; Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ lên hạng I, hạng II.

2. Thông tư này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Tạp chí quốc tế có uy tín* là tạp chí khoa học được lựa chọn từ Danh mục tạp chí của cơ sở dữ liệu Web of Science theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.

2. *Tạp chí khoa học trong nước có uy tín* là tạp chí khoa học trong nước có mã số chuẩn quốc tế ISSN, thuộc Danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành hằng năm của Hội đồng giáo sư nhà nước.

3. *Bài báo khoa học* là công trình khoa học của tác giả đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN, thể hiện rõ ý tưởng khoa học, nội dung cần thiết của vấn đề nghiên cứu, tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế, những đóng góp chính về lý thuyết và ứng dụng; phương pháp, phương tiện nghiên cứu, nguồn tư liệu trích dẫn và tài liệu tham khảo.

4. *Sách chuyên khảo* là công trình khoa học trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu và tương đối toàn diện về một vấn đề khoa học chuyên ngành.

5. *Giáo trình* là tài liệu giảng dạy, học tập có nội dung phù hợp với chương trình đào tạo, bồi dưỡng được người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học duyệt, lựa chọn hoặc được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

6. *Dự án, công trình, đồ án thuộc chuyên ngành kỹ thuật* là dự án, công trình, đồ án phát triển, ứng dụng, triển khai công nghệ hoặc nhiệm vụ khác thuộc phạm vi ngành kỹ thuật, kinh tế - kỹ thuật viên chức đảm nhiệm, được phân theo loại và cấp (nhóm) tại quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Kết quả hoạt động chuyên môn được tính điểm quy đổi

1. Kết quả hoạt động chuyên môn được tính điểm quy đổi gồm:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp được nghiệm thu ở mức đạt trở lên;

b) Kết quả bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả bảo hộ quyền đối với giống cây trồng;

c) Bài báo khoa học;

d) Sách chuyên khảo, giáo trình;

đ) Kết quả thực hiện các dự án, công trình, đồ án thuộc chuyên ngành kỹ thuật.

2. Mỗi kết quả hoạt động chuyên môn được quy đổi tại khoản 1 Điều này phải có nội dung phù hợp với chuyên ngành khoa học và công nghệ viên chức đang hoạt động, phù hợp với vị trí việc làm, chức trách viên chức đang đảm nhiệm.

Việc tính điểm quy đổi được quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

3. Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình đã công bố có nội dung trùng lặp từ 30% trở lên với công trình khác của cùng tác giả chỉ được tính điểm quy đổi một lần.

4. Kết quả hoạt động chuyên môn quy đổi có nhiều tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/3 số điểm, số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của từng thành viên tham gia. Trường hợp không thể xác định cụ thể giá trị đóng góp của mỗi người thì số điểm còn lại được chia đều cho các thành viên tham gia.

5. Không thực hiện tính điểm quy đổi đối với sách chuyên khảo, bài báo khoa học được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được tính điểm quy đổi.

Chương II

MÃ SỐ, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 4. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

1. Chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ bao gồm: nhóm chức danh nghiên cứu khoa học; nhóm chức danh công nghệ.

2. Nhóm chức danh nghiên cứu khoa học bao gồm:

- | | |
|-------------------------------------|-------------------|
| a) Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) | Mã số: V.05.01.01 |
| b) Nghiên cứu viên chính (hạng II) | Mã số: V.05.01.02 |
| c) Nghiên cứu viên (hạng III) | Mã số: V.05.01.03 |
| d) Trợ lý nghiên cứu (hạng IV) | Mã số: V.05.01.04 |

3. Nhóm chức danh công nghệ bao gồm:

- | | |
|----------------------------|-------------------|
| a) Kỹ sư cao cấp (hạng I) | Mã số: V.05.02.05 |
| b) Kỹ sư chính (hạng II) | Mã số: V.05.02.06 |
| c) Kỹ sư (hạng III) | Mã số: V.05.02.07 |
| d) Kỹ thuật viên (hạng IV) | Mã số: V.05.02.08 |

Điều 5. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

1. Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật, luôn thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Trung thực, đoàn kết, có tinh thần cầu thị, hợp tác, sáng tạo, sẵn sàng tiếp thu, học hỏi cái mới, tự nâng cao trình độ, có ý thức bảo vệ bí mật nhà nước về khoa học và công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Điều 6. Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) - Mã số: V.05.01.01

1. Nhiệm vụ:

a) Trực tiếp nghiên cứu, đề xuất và là chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh; đề xuất giải pháp và tổ chức hướng dẫn, theo dõi, đánh giá việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn;

b) Nghiên cứu, đề xuất, tham gia xây dựng các chủ trương, chính sách, định hướng, kế hoạch phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ của quốc gia, bộ, ngành và địa phương. Tham gia tư vấn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh;

c) Tổ chức chỉ đạo chuyên môn, hướng dẫn nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên, trợ lý nghiên cứu, cộng tác viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Tham gia giảng dạy hoặc hướng dẫn khoa học cho các nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở các cơ sở đào tạo;

đ) Chủ trì hoặc tham gia: tổ chức các hội nghị, hội thảo; sinh hoạt học thuật trong nước và quốc tế; xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu; biên soạn các tài liệu nhằm phổ biến, ứng dụng rộng rãi các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ tiến sĩ phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu, yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học. Trường hợp vị trí việc làm viên chức yêu cầu có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật, viên chức có chứng chỉ hành nghề được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học tương ứng.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, định hướng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia, bộ, ngành và địa phương. Nắm được các thành tựu

tiến bộ khoa học và công nghệ, xu hướng phát triển khoa học và công nghệ trong nước và trên thế giới liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu;

b) Có khả năng nghiên cứu sâu về chuyên ngành và nghiên cứu liên ngành trong lĩnh vực chuyên môn; đề xuất, tư vấn và giải quyết các vấn đề mang tính chiến lược của trung ương và địa phương; khả năng tổng kết thực tiễn, xây dựng và trình bày các báo cáo nghiên cứu khoa học có tính chiến lược trong các hội nghị, hội thảo khoa học quan trọng; khả năng tập hợp và tổ chức các cá nhân có năng lực để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; khả năng gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với đào tạo và sản xuất;

c) Có kinh nghiệm nghiên cứu khoa học, khả năng tư duy độc lập, sáng tạo, kết hợp nghiên cứu lý luận với thực tiễn, kinh nghiệm hợp tác với các nhà khoa học, các tổ chức khoa học và công nghệ quốc tế trong lĩnh vực chuyên môn; có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ được giao và hiểu biết rộng về các chuyên ngành có liên quan;

d) Có năng lực chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp.

Đạt ít nhất 05 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó có ít nhất 03 điểm được quy đổi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh hoặc công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; hoặc sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế và được chuyển giao, thương mại hóa; hoặc giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn; hoặc giống cây trồng được cấp Bằng bảo hộ và ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ; đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số phải sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

e) Viên chức thăng hạng từ nghiên cứu viên chính (hạng II) lên nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) phải có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương, phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng cộng dồn) giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

Điều 7. Nghiên cứu viên chính (hạng II) - Mã số: V.05.01.02

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

b) Chủ trì tổ chức các nhóm nghiên cứu và hướng dẫn chuyên môn đối với các nghiên cứu viên, trợ lý nghiên cứu, cộng tác viên thực hiện nội dung nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

c) Chịu trách nhiệm giải quyết các vấn đề chủ yếu trong nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao; viết các báo cáo kết quả nghiên cứu, quy trình ứng dụng; biên soạn các tài liệu nhằm phổ biến và áp dụng rộng rãi, hiệu quả các kết quả nghiên cứu phục vụ sản xuất và đời sống; tổ chức hướng dẫn, theo dõi, đánh giá việc áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn;

d) Tham gia xây dựng các chủ trương, kế hoạch và biện pháp triển khai hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương và đơn vị; tham gia tổ chức các hội nghị khoa học và các sinh hoạt học thuật chuyên ngành; tham gia tư vấn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; tham gia giảng dạy và hướng dẫn khoa học cho các học viên cao học, sinh viên đại học ở các cơ sở đào tạo.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ thạc sĩ trở lên phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu, yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học. Trường hợp vị trí việc làm viên chức yêu cầu có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật, viên chức có chứng chỉ hành nghề được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học tương ứng.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học và công nghệ của Đảng và Nhà nước, thành tựu và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và trên thế giới liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; nắm vững nội dung quản lý, phương pháp nghiên cứu, xử lý thông tin, đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Nắm vững và có khả năng vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học; có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành phù hợp với nhiệm vụ được giao và kiến thức cơ sở về một số chuyên ngành có liên quan;

c) Có khả năng đề xuất và xác định hướng nghiên cứu về một vấn đề khoa học và công nghệ. Có tư duy độc lập, sáng tạo, khả năng tiếp thu, nghiên cứu và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn. Có khả năng tập hợp các cán bộ nghiên cứu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề nảy sinh từ thực tiễn; khả năng tổng kết thực tiễn, xây dựng và trình bày các báo cáo nghiên cứu khoa học trong các hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành cấp bộ, ngành, tỉnh; có khả năng tổ chức các sinh hoạt học thuật trong nước và tham gia các sinh hoạt học thuật quốc tế;

d) Có năng lực chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác.

Đạt ít nhất 03 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó có ít nhất 01 điểm được quy đổi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên hoặc công bố bài báo trên tạp chí khoa học có uy tín; hoặc sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế; hoặc giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền; hoặc giống cây trồng được cấp Bằng bảo hộ;

d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ; đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số phải sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

e) Viên chức thăng hạng từ nghiên cứu viên (hạng III) lên nghiên cứu viên chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương, phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng cộng dồn) giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

Điều 8. Nghiên cứu viên (hạng III) - Mã số: V.05.01.03

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên hoặc tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh;

b) Trực tiếp nghiên cứu, tham gia các hoạt động điều tra, khảo sát, phục vụ nghiên cứu và hướng dẫn, kiểm tra các trợ lý nghiên cứu thực hiện các nội dung nghiên cứu, thí nghiệm được giao; tham gia các sinh hoạt học thuật chuyên ngành;

c) Viết báo cáo tổng kết nhiệm vụ khoa học và công nghệ, biên soạn tài liệu, thông tin nhằm phổ biến và ứng dụng rộng rãi các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu, yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học. Trường hợp vị trí việc làm viên chức yêu cầu có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật, viên chức có chứng chỉ hành nghề được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học tương ứng.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khoa học và công nghệ của Đảng và Nhà nước; tình hình kinh tế - xã hội nói chung và các yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn đối với lĩnh vực nghiên cứu; những thành tựu và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và trên thế giới liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu; nội dung quản lý, phương pháp triển khai nghiên cứu, xử lý thông

tin, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ;

b) Nắm vững cách thức sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị, vật tư dùng trong nghiên cứu và các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động có liên quan;

c) Có khả năng nghiên cứu và triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn; có khả năng tổ chức và kết nối các nhà nghiên cứu có năng lực để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cụ thể; có khả năng xây dựng và trình bày các báo cáo nghiên cứu khoa học được giao; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học thuộc lĩnh vực nghiên cứu;

d) Có năng lực chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ; đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số phải sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

e) Viên chức thăng hạng từ trợ lý nghiên cứu (hạng IV) lên nghiên cứu viên (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh trợ lý nghiên cứu (hạng IV) hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng cộng dồn) giữ chức danh trợ lý nghiên cứu (hạng IV) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

Điều 9. Trợ lý nghiên cứu (hạng IV) - Mã số: V.05.01.04

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện các công việc phục vụ nghiên cứu, tham gia điều tra, khảo sát, hoặc trợ giúp việc xử lý, tổng hợp các thông tin, dữ liệu trong phạm vi được giao;

b) Làm nhiệm vụ hỗ trợ cho các chức danh nghiên cứu khoa học hạng cao hơn trong việc triển khai các hoạt động nghiên cứu.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ cao đẳng trở lên phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học. Trường hợp vị trí việc làm viên chức yêu cầu có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật, viên chức có chứng chỉ hành nghề được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghiên cứu khoa học tương ứng.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được những nội dung cơ bản về phương hướng, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của ngành và đơn vị;

b) Nắm được phương pháp nghiên cứu cơ bản, công cụ nghiên cứu cơ bản, quy trình cơ bản triển khai hoạt động nghiên cứu; cách thức sử dụng, vận hành, bảo quản thiết bị, vật tư dùng trong nghiên cứu;

- c) Có kiến thức lý thuyết cơ sở về lĩnh vực nghiên cứu được giao;
- d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ; đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số phải sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Điều 10. Kỹ sư cao cấp (hạng I) - Mã số: V.05.02.05

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì hoặc tham gia chỉ đạo xây dựng và đề ra các giải pháp thực hiện chiến lược, kế hoạch nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh; các phương án công nghệ, luận chứng kinh tế - kỹ thuật của những công trình kinh tế - kỹ thuật trọng yếu cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh;

b) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức xét duyệt các phương án công nghệ, luận chứng kinh tế - kỹ thuật của công trình thuộc chuyên ngành kỹ thuật. Chủ trì hoặc tham gia đánh giá các sáng kiến và thẩm định, giám định công nghệ là kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, đời sống; thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh; chủ trì hoặc tham gia tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất giải pháp, sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ trong bộ, ngành, địa phương cho phù hợp quy định pháp luật liên quan;

c) Tham gia xây dựng mục tiêu, nội dung, chương trình và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nguồn nhân lực khoa học và công nghệ trong ngành. Biên soạn, biên tập các tài liệu, giáo trình phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ cho kỹ sư chính, kỹ sư, kỹ thuật viên về chuyên ngành kỹ thuật đảm nhiệm;

d) Tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện các phương án, bảo đảm các công trình, dự án được hoàn thành đúng tiến độ, an toàn, có chất lượng và đem lại hiệu quả kinh tế xã hội thiết thực;

đ) Phát hiện, điều chỉnh hoặc đề nghị đình chỉ các hoạt động kỹ thuật, triển khai công nghệ trái với quy trình, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành;

e) Khai thác, lựa chọn ứng dụng trực tiếp các công nghệ tiên tiến nhập khẩu từ nước ngoài; áp dụng nhanh các thành tựu kỹ thuật hiện đại tạo ra bước nhảy vọt về kỹ thuật và cơ cấu tổ chức sản xuất. Hợp tác với các đối tác trong nước và nước ngoài thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ thạc sĩ trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và phù hợp với vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ. Trường hợp vị trí việc làm viên chức yêu cầu có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật, viên chức có chứng chỉ hành nghề được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ tương ứng.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, định hướng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nói chung, phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của ngành nói riêng; am hiểu tình hình sản xuất, trình độ công nghệ nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành; nắm chắc và kịp thời các thành tựu và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và nước ngoài;

b) Có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực chuyên ngành kỹ thuật đảm nhiệm và những kiến thức cơ bản của một số chuyên ngành kỹ thuật liên quan; có hiểu biết sâu rộng và kinh nghiệm về hoạt động phát triển, ứng dụng, triển khai công nghệ trong phạm vi ngành kinh tế - kỹ thuật đảm nhiệm;

c) Có khả năng tư duy độc lập, sáng tạo và phương pháp xử lý các vấn đề kinh tế - kỹ thuật phức tạp liên quan đến chuyên ngành đảm nhiệm. Có khả năng tập hợp các cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ có năng lực, tổ chức chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ và tổng kết thực tiễn; có khả năng kết nối các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ với doanh nghiệp;

d) Có năng lực chủ nhiệm, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia hoặc dự án, công trình, đề án cấp I thuộc chuyên ngành kỹ thuật và chủ trì, tổ chức triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc dự án, công trình, đề án các cấp thuộc chuyên ngành kỹ thuật.

Đạt ít nhất 04 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó có ít nhất 02 điểm là điểm quy đổi từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp tỉnh hoặc làm giám đốc quản lý, chủ trì dự án, công trình, đề án từ cấp II trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật hoặc công bố bài báo trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín; hoặc sáng chế được cấp bằng độc quyền; hoặc giải pháp hữu ích được cấp bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn; hoặc giống cây trồng được cấp Bằng bảo hộ và ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ; đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số phải sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

e) Viên chức thăng hạng từ kỹ sư chính (hạng II) lên kỹ sư cao cấp (hạng I)

phải có thời gian giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) hoặc tương đương từ đủ 06 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương, phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng cộng dồn) giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

Điều 11. Kỹ sư chính (hạng II) - Mã số: V.05.02.06

1. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng, tổ chức chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật được giao nhằm bảo đảm hoạt động thường xuyên của quá trình phát triển, ứng dụng và triển khai công nghệ; các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có ảnh hưởng đến sự phát triển công nghệ của đơn vị và của ngành;

b) Đề xuất các giải pháp công nghệ, hoàn thiện cơ cấu sản xuất, ứng dụng trực tiếp công nghệ tiên tiến trong nước và nhập khẩu nước ngoài;

c) Chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan tới đổi mới công nghệ, đổi mới quy trình sản xuất, điều hành hoạt động các dây chuyền công nghệ chính của đơn vị; chủ trì xây dựng chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho đội ngũ kỹ thuật viên của đơn vị và của ngành;

d) Thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện công tác quản lý công nghệ trong phạm vi được giao (chỉ đạo và giám định công tác thiết kế, xây dựng giải pháp công nghệ, quy trình, quy phạm kỹ thuật, định mức kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn lao động, chất lượng sản phẩm...). Tham gia biên soạn và nghiên cứu xây dựng hoàn chỉnh hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật. Tham gia biên soạn bài giảng, biên tập tài liệu và giảng dạy các lớp bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ thuộc chuyên ngành kỹ thuật đảm nhiệm;

đ) Tổng kết, phân tích, đánh giá mức độ hoàn thiện và hiệu quả của các giải pháp công nghệ trong phạm vi được giao, đề xuất biện pháp bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện cho phù hợp; phát hiện, đề nghị điều chỉnh hoặc đình chỉ các hoạt động kỹ thuật trái với các quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ. Trường hợp vị trí việc làm viên chức yêu cầu có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật, viên chức có chứng chỉ hành nghề được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ tương ứng.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước,

phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của ngành và đơn vị; những thành tựu và xu hướng phát triển khoa học và công nghệ, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và trên thế giới liên quan đến ngành và đơn vị;

b) Có kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành kỹ thuật phù hợp với nhiệm vụ được giao và kiến thức cơ sở về một chuyên ngành liên quan; am hiểu tình hình kinh tế - xã hội nói chung và tình hình sản xuất, trình độ công nghệ của ngành và của đơn vị; có kiến thức về kinh tế, hiểu biết sâu sắc về nghiệp vụ phát triển, ứng dụng và triển khai công nghệ chuyên ngành; nắm vững phương pháp tổ chức, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật được giao và các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động;

c) Có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và tập hợp để thực hiện nhiệm vụ, tổng kết thực tiễn; có khả năng kết nối các tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ với doanh nghiệp;

d) Có năng lực chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh hoặc dự án, công trình, đề án cấp II thuộc chuyên ngành kỹ thuật và chủ trì, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc dự án, công trình, đề án thuộc chuyên ngành kỹ thuật các cấp.

Đạt ít nhất 02 điểm quy đổi kết quả hoạt động chuyên môn, trong đó có ít nhất 01 điểm được quy đổi từ kết quả chủ trì, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở hoặc dự án, công trình, đề án từ cấp III trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật; hoặc công bố bài báo trên tạp chí khoa học có uy tín; hoặc sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế; hoặc giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền; hoặc giống cây trồng được cấp Bằng bảo hộ;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ; đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số phải sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

e) Viên chức thăng hạng từ kỹ sư (hạng III) lên kỹ sư chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương từ đủ 09 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương, phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng cộng dồn) giữ chức danh kỹ sư (hạng III) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

Điều 12. Kỹ sư (hạng III) - Mã số: V.05.02.07

1. Nhiệm vụ:

a) Xây dựng, tổ chức chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật được giao nhằm bảo đảm các hoạt động thường xuyên của quá trình phát triển, ứng dụng và triển khai công nghệ;

b) Tham gia thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên thuộc lĩnh vực chuyên môn;

c) Thực hiện hoặc chỉ đạo thực hiện công tác quản lý công nghệ trong phạm vi được giao, tham gia biên soạn và nghiên cứu xây dựng hoàn chỉnh hệ thống định mức, tiêu chuẩn kỹ thuật của lĩnh vực công nghệ đảm nhiệm.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ. Trường hợp vị trí việc làm viên chức yêu cầu có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật, viên chức có chứng chỉ hành nghề được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ tương ứng.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được đường lối phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước, phương hướng, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ của ngành và đơn vị; tình hình kinh tế - xã hội nói chung và những thành tựu, xu hướng phát triển khoa học và công nghệ, những tiến bộ khoa học và công nghệ quan trọng trong nước và thế giới liên quan đến ngành và đơn vị;

b) Nắm chắc nội dung, nghiệp vụ quản lý và phương pháp tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại đơn vị. Nắm chắc các đối tượng tác động của khoa học và công nghệ trong phạm vi hoạt động, các quy định an toàn lao động, vệ sinh lao động;

d) Có năng lực chủ trì tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc dự án, công trình, đồ án cấp III thuộc chuyên ngành kỹ thuật;

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ; đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số phải sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm;

e) Viên chức thăng hạng từ kỹ thuật viên (hạng IV) lên kỹ sư (hạng III) phải có thời gian giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên. Trường hợp có thời gian tương đương, phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng cộng dồn) giữ chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

Điều 13. Kỹ thuật viên (hạng IV) - Mã số: V.05.02.08

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật, công nghệ thường xuyên, theo một quy trình cụ thể;

b) Thực hiện nhiệm vụ quản lý quy trình công nghệ trong phạm vi được giao theo sự hướng dẫn của chức danh công nghệ hạng cao hơn.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có trình độ cao đẳng trở lên thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ và yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ. Trường hợp vị trí việc làm viên chức yêu cầu có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật, viên chức có chứng chỉ hành nghề được sử dụng thay thế chứng chỉ bồi dưỡng chức danh công nghệ tương ứng.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được những nội dung cơ bản về phương hướng, nhiệm vụ phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ của ngành và đơn vị;

b) Có kiến thức lý thuyết cơ sở về một chuyên ngành kỹ thuật, có khả năng thực hành thông thạo các nhiệm vụ kỹ thuật thông thường được đảm nhiệm;

c) Nắm được các quy trình, quy phạm kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động;

d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ; đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số phải sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

Chương III

TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Điều 14. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên cao cấp (hạng I)

Viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) nếu trong thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc tương đương đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, được sửa đổi tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

2. Đề án vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập được xây dựng, phê duyệt theo quy định của pháp luật có vị trí việc làm của chức danh viên chức dự xét thăng hạng.

3. Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng.

4. Đạt ít nhất 05 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn và bảo đảm một trong các điều kiện sau:

a) Đã chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và tham gia ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc chủ nhiệm ít nhất 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và tham gia ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên;

b) Là tác giả chính hoặc chủ biên của ít nhất 01 sách chuyên khảo và tác giả chính của ít nhất 02 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín;

c) Là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 01 sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế và được chuyên giao, thương mại hóa; hoặc là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 02 giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn; hoặc là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 02 giống cây trồng được cấp Bằng bảo hộ và ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh.

Điều 15. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên chính (hạng II)

Viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nghiên cứu viên chính (hạng II) nếu trong thời gian giữ chức danh nghiên cứu viên (hạng III) hoặc tương đương đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Các quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 Thông tư này.

2. Đạt ít nhất 03 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn và bảo đảm một trong các điều kiện sau:

a) Đã chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh và tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc chủ nhiệm ít nhất 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở và tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên;

b) Tham gia nhóm tác giả của ít nhất 01 sách chuyên khảo và là tác giả chính của ít nhất 01 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín;

c) Là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 01 sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế; hoặc là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 02 giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền; hoặc là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 01 giống cây trồng được cấp Bằng bảo hộ.

Điều 16. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kỹ sư cao cấp (hạng I)

Viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kỹ sư cao cấp (hạng I) nếu trong thời gian giữ chức danh kỹ sư chính (hạng II) hoặc tương đương đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Các quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 Thông tư này.

2. Đạt ít nhất 04 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn và bảo đảm một trong các điều kiện sau:

a) Đã tham gia ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ cấp bộ, cấp tỉnh và chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên;

b) Là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 01 sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế và được chuyển giao, thương mại hóa; hoặc là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 01 giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn; hoặc là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 01 giống cây trồng được cấp Bằng bảo hộ và ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh.

c) Làm giám đốc quản lý, chủ trì, chủ nhiệm ít nhất 01 dự án, công trình, đồ án cấp I thuộc chuyên ngành kỹ thuật và làm giám đốc quản lý, chủ trì, chủ nhiệm ít nhất 02 dự án, công trình, đồ án cấp II thuộc chuyên ngành kỹ thuật được hoàn thành, đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả; hoặc làm chủ nhiệm, chủ trì thiết kế của ít nhất 01 dự án, công trình cấp I và làm chủ nhiệm, chủ trì thiết kế của ít nhất 02 dự án, công trình cấp II được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 17. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kỹ sư chính (hạng II)

Viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ đang làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp kỹ sư chính (hạng II) nếu trong thời gian giữ chức danh kỹ sư (hạng III) hoặc tương đương đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

1. Các quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 14 Thông tư này.

2. Đạt ít nhất 02 điểm quy đổi từ kết quả hoạt động chuyên môn và bảo đảm một trong các điều kiện sau:

a) Đã chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc tham gia ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên;

b) Là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 01 sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế; hoặc là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 01 giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền; hoặc là tác giả, đồng tác giả của ít nhất 01 giống cây trồng được cấp Bằng bảo hộ.

c) Làm giám đốc quản lý, chủ trì, chủ nhiệm ít nhất 01 dự án, công trình, đồ án cấp II thuộc chuyên ngành kỹ thuật và làm giám đốc quản lý, chủ trì, chủ nhiệm ít nhất 01 dự án, công trình, đồ án cấp III thuộc chuyên ngành kỹ thuật được hoàn thành, đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả; hoặc làm chủ nhiệm, chủ trì thiết kế của ít nhất 01 dự án, công trình cấp II và làm chủ nhiệm, chủ trì thiết kế của ít nhất 02 dự án, công trình cấp III được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025.
2. Thông tư này thay thế Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20 tháng 01 năm 2020 và Thông tư số 14/2022/TT-BKHCN ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; và thay thế Thông tư số 08/2021/TT-BKHCN ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ.

Điều 19. Điều khoản chuyển tiếp

1. Viên chức đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật từ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được xác định là đáp ứng quy định về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ quy định tại Thông tư này, tương ứng với chức danh nghề nghiệp đã được bổ nhiệm. Trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Thông tư này.
2. Viên chức giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ có chứng chỉ hoàn thành chương trình bồi dưỡng quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hoặc đã được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ trước

ngày 30 tháng 6 năm 2022 thì không phải tham gia các chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tương ứng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số quy định tại Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKH-CN-BNV ngày 11 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 5 như sau:

“d) Chức danh nghề nghiệp trợ lý nghiên cứu (hạng IV) và kỹ thuật viên (hạng IV) được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A0, từ hệ số lương 2,10 đến hệ số lương 4,89.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 5 như sau:

“d) Trường hợp khi được tuyển dụng có trình độ đào tạo cao đẳng phù hợp với vị trí việc làm thì được xếp bậc 1, hệ số lương 2,10 của chức danh nghề nghiệp trợ lý nghiên cứu (hạng IV, mã số V.05.01.04) hoặc kỹ thuật viên (hạng IV, mã số V.05.02.08);”

3. Bãi bỏ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 5 như sau:

“4. Đối với chức danh nghề nghiệp trợ lý nghiên cứu (hạng IV) và kỹ thuật viên (hạng IV) nếu đang xếp lương theo viên chức loại B ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang thì được xếp lại lương viên chức loại A0 theo hướng dẫn tại khoản 1 Mục II Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển loại công chức, viên chức.

Trường hợp viên chức chưa có bằng tốt nghiệp cao đẳng phù hợp với vị trí việc làm nhưng đã được bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp trợ lý nghiên cứu (hạng IV) và kỹ thuật viên (hạng IV) và đang xếp lương theo viên chức loại B ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP thì tiếp tục xếp lương theo viên chức loại B cho đến khi đủ điều kiện bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp quy định tại Thông tư này hoặc chuyển vị trí việc làm hoặc thôi việc hoặc nghỉ hưu theo quy định.”

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của TW Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; cổng TTĐT Chính phủ; cổng TTĐT Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, TCCB.



Lê Xuân Định

Phụ lục
CÁCH TÍNH ĐIỂM QUY ĐỔI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

*(Kèm theo Thông tư số 11/2024/TT-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ khoa học và công nghệ)*



STT	Kết quả hoạt động chuyên môn được tính điểm quy đổi	Điểm quy đổi
I	Kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên	
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia	3,0 điểm
2	Thành viên chính thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia	1,0 điểm
3	Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh	1,0 điểm
4	Thành viên chính thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ, cấp tỉnh	0,75 điểm
5	Chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	0,75 điểm
6	Thành viên chính thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở	0,5 điểm
II	Kết quả bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc kết quả bảo hộ quyền đối với giống cây trồng	
1	Tác giả, đồng tác giả của sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế	1,0 điểm
2	Tác giả, đồng tác giả của sáng chế được cấp Bằng độc quyền sáng chế và được chuyển giao, thương mại hóa	3,0 điểm
3	Tác giả, đồng tác giả của giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn	2,0 điểm
4	Tác giả, đồng tác giả của giải pháp hữu ích được cấp Bằng độc quyền	0,75 điểm
5	Tác giả, đồng tác giả của giống cây trồng được cấp Bằng bảo hộ	1,0 điểm
6	Tác giả, đồng tác giả của giống cây trồng được cấp Bằng bảo hộ và ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh	2,0 điểm

III	Bài báo khoa học	
1	Bài báo khoa học được đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín	1,0 điểm
2	Bài báo khoa học được đăng trên tạp chí khoa học trong nước có uy tín	Thực hiện tính điểm theo Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành hằng năm của Hội đồng giáo sư nhà nước
IV	Sách chuyên khảo, giáo trình	
1	Sách chuyên khảo trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết vấn đề khoa học liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực	3,0 điểm
2	Sách chuyên khảo trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết vấn đề khoa học trong phạm vi ngành, lĩnh vực	2,0 điểm
3	Sách giáo trình được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt hoặc được sử dụng để giảng dạy trong các chương trình đã được tổ chức quốc tế uy tín kiểm định	2,0 điểm
4	Sách giáo trình được người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học phê duyệt, được sử dụng để giảng dạy trong các chương trình đã được cơ quan có chức năng trong nước kiểm định	1,5 điểm
5	Sách giáo trình được người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học phê duyệt	1,0 điểm
V	Kết quả thực hiện các dự án, công trình, đồ án thuộc chuyên ngành kỹ thuật	
1	Giám đốc quản lý hoặc chủ trì, chủ nhiệm dự án, công trình, đồ án cấp I thuộc chuyên ngành kỹ thuật	2,0 điểm
2	Phó giám đốc quản lý hoặc phó chủ trì, chủ nhiệm dự án, công trình, đồ án cấp I thuộc chuyên ngành kỹ thuật	1,5 điểm
3	Thực hiện chính dự án, công trình, đồ án cấp I thuộc chuyên ngành kỹ thuật	1,0 điểm

4	Giám đốc quản lý hoặc chủ trì, chủ nhiệm dự án, công trình, đồ án cấp II thuộc chuyên ngành kỹ thuật	1,0 điểm
5	Phó giám đốc quản lý hoặc phó chủ trì, chủ nhiệm dự án, công trình, đồ án cấp II thuộc chuyên ngành kỹ thuật	0,75 điểm
6	Thực hiện chính dự án, công trình, đồ án cấp II thuộc chuyên ngành kỹ thuật	0,5 điểm
7	Giám đốc quản lý hoặc chủ trì, chủ nhiệm dự án, công trình, đồ án cấp III thuộc chuyên ngành kỹ thuật	0,75 điểm
8	Phó giám đốc quản lý hoặc thực hiện chính dự án, công trình, đồ án cấp III thuộc chuyên ngành kỹ thuật	0,5 điểm
9	Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế dự án, công trình cấp I	1,5 điểm
10	Phó chủ nhiệm, chủ trì thiết kế dự án, công trình cấp I	1,0 điểm
11	Thực hiện chính thiết kế dự án, công trình cấp I	0,75 điểm
12	Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế dự án, công trình cấp II	1,0 điểm
13	Phó chủ nhiệm, phó chủ trì thiết kế dự án, công trình cấp II	0,75 điểm
14	Thực hiện chính thiết kế dự án, công trình cấp II	0,5 điểm
15	Chủ nhiệm, chủ trì thiết kế dự án, công trình cấp III	0,75 điểm
16	Phó chủ nhiệm, phó chủ trì hoặc thực hiện chính thiết kế dự án, công trình cấp III	0,5 điểm